

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11-2019
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Thu Hương;
2. Ông Danh Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vạc E, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có mặt

Bị đơn: Anh Lê Toại Ng, sinh năm 1986; địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn M, sinh năm 1960 và bà Lê Thị Ch, sinh năm 1961 (vợ ông M); địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vạc E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vạc E và anh Ng được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Th. Trong quá trình chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Ng chỉ lo ăn chơi và có

người phụ nữ khác ở bên ngoài, không lo chăm sóc chị và con. Đến khoảng tháng 11/2018, anh chị ly thân cho đến nay. Nay xét thấy, tình cảm không còn, chị Vạc E yêu cầu được ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Chị Vạc E và anh Ng có một người con chung tên Lê Thảo Ng, sinh ngày 31/3/2013, hiện đang sống với chị Vạc E, chị Vạc E yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Ng cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000đ, cấp cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Vạc E xin rút lại toàn bộ yêu cầu về việc chia tài sản chung theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2019 và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung của anh chị theo biên thỏa thuận đề ngày 07/10/2019 với nội dung sau:

Một căn nhà cấp 4 (không bao gồm đất) tọa lạc tại khu phố Đ, thị trấn Th và và toàn bộ cây kiểng gồm các loại cây như: mai vàng, mai trắng.., có tổng giá trị là 400.000.000đ. Chị Vạc E và anh Ng chia đôi, mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, anh Ng nhận nhà và toàn bộ cây cây kiểng, anh Ng giao lại chị Vạc E 200.000.000đ. Thời hạn giao tiền cụ thể như sau:

- + Ngày 20/01/2020 giao 50.000.000đ;
- + Ngày 20/01/2021 giao 50.000.000đ;
- + Ngày 20/01/2022 giao 50.000.000đ;
- + Ngày 20/01/2023 giao 50.000.000đ.

Về nợ: Chị Vạc E khai vợ chồng không nợ ai.

Tại bản tự khai đề ngày 30/9/2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa anh Lê Toại Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vạc E được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vĩnh Thuận. Anh chị chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do chị Vạc E có tính ghen tuông nên vợ chồng xảy ra cự cãi. Đến khoảng tháng 11/2018 thì anh chị ly thân cho đến nay. Nay chị Vạc E yêu cầu ly hôn, anh Ng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một người con chung tên Lê Thảo Ng, sinh ngày 31/3/2013, hiện đang sống với chị Vạc E, chị Vạc E yêu cầu nuôi con, anh Ng đồng ý giao con cho chị Vạc E nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, cấp vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu cấp khi Bản án có hiệu lực pháp luật, cấp cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung của anh và chị Vạc E theo biên thỏa thuận đề ngày 07/10/2019.

Về nợ chung: Anh Ng khai không nợ ai.

Tại bản tự khai đề ngày 03/10/2019 ông Lê Văn M và bà Lê Thị Ch trình bày: Năm 2014 ông, bà có cho anh Lê Toại Ng và chị Nguyễn Thị Vạc E một phần đất cất nhà ở. Nay anh Ng, chị Vạc E ly hôn, không có tranh chấp gì về phần đất này nên ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì, tiếp tục để anh Ng quản lý và sử dụng đất.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Vạc E và anh Lê Toại Ng.

Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Vạc E và anh Ng giao cháu Lê Thảo Ng, sinh ngày 31/3/2013 cho chị Vạc E trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, cấp vào ngày 10 hàng tháng, cấp cho đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi. Anh Ng có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Vạc E theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị Vạc E và anh Ng theo biên bản thỏa thuận đề ngày 07/10/2019.

Về nợ chung: Chị Vạc E và anh Ng khai không nợ ai nên Viện kiểm sát không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Vạc E khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Ng, yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Lê Văn M và bà Lê Thị Ch có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông M và bà Ch.

[3] Tại phiên tòa chị Vạc E xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung với anh Ng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là phù hợp với khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vạc E và anh Ng kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Th và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Vạc E và anh Ng đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Anh chị chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 11/2018 thì

ly thân cho đến nay. Nguyên nhân theo chị Vạc E trình bày là do anh Ng có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm chăm sóc chị và con; anh Ng thì cho rằng do chị Vạc E có tính ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Chị Vạc E yêu cầu ly hôn; anh Ng đồng ý ly hôn, mặc dù đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ cho anh chị nhưng không thành. Do đó, nhận thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vạc E và anh Ng.

[5] *Về con chung*: Chị Vạc E và anh Ng có một người con chung tên Lê Thảo Ng, sinh ngày 31/3/2013, hiện đang sống với chị Vạc E. Anh Ng và chị Vạc E thỏa thuận giao cháu Ng cho chị Vạc E nuôi dưỡng, anh Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, cấp vào ngày 10 hàng tháng, cấp cho đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi. Qua xác minh ở địa phương được biết cuộc sống của cháu Ng vẫn đảm bảo, chị Vạc E đủ điều kiện nuôi con. Do đó, áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thỏa thuận của chị Vạc E và anh Ng giao cháu Lê Thảo Ng cho chị Vạc E trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, cấp vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu cấp khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi. Anh Ng có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[6] *Về tài sản chung*: Chị Vạc E và anh Ng đã tự thỏa thuận trước khi hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

Một căn nhà cấp 4 (không bao gồm đất) tọa lạc tại khu phố Đ, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang và toàn bộ cây kiểng có tổng giá trị là 400.000.000đ, chị Vạc E và anh Ng chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị, chị Vạc E giao nhà và toàn bộ cây kiểng cho anh Ng quản lý sử dụng, anh Ng giao lại chị Vạc E 200.000.000đ. Thời hạn giao tiền cụ thể như sau:

- + Ngày 20/01/2020 giao 50.000.000đ;
- + Ngày 20/01/2021 giao 50.000.000đ;
- + Ngày 20/01/2022 giao 50.000.000đ;
- + Ngày 20/01/2023 giao 50.000.000đ.

Về nợ chung: Chị Vạc E và anh Ng khai không nợ ai nên HĐXX không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Vạc E là Nguyên đơn phải chịu án phí hôn

nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Vạc E được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000160 ngày 22/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Ng phải chịu là 300.000đ.

Về án phí phân chia tài sản: Do các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong Bản án, quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

Đối với yêu cầu rút lại chị Nguyễn Thị Vạc E được hoàn trả lại số tiền án tạm ứng án phí đã nộp là 6.125.000đ theo biên lai thu số 0000161 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 55, 59, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 6, 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/1/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Vạc E và anh Lê Toại Ng.

2. *Về con chung:* Giao cháu Lê Thảo Ng, giới tính nữ, sinh ngày 31/3/2013 cho chị Nguyễn Thị Vạc E trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Toại Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, cấp vào ngày 10 hàng tháng, cấp khi Bản án có hiệu lực pháp luật, cấp cho đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi.

Anh Ng có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung:* Chị Vạc E và anh Ng đã tự thỏa thuận trước khi hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

Một căn nhà cấp 4 (không bao gồm đất) tọa lạc tại khu phố Đ, thị trấn Th (Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đề ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận) và toàn bộ cây kiềng có giá trị là 400.000.000đ. Chị Vạc E và anh Ng chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị, chị Vạc E giao nhà và cây kiềng cho anh Ng quản lý và sử dụng, anh Ng giao lại chị Vạc E 200.000.000đ.

Thời hạn giao tiền cụ thể như sau:

+ Ngày 20/01/2020 giao 50.000.000đ;

+ Ngày 20/01/2021 giao 50.000.000đ;

+ Ngày 20/01/2022 giao 50.000.000đ;

+ Ngày 20/01/2023 giao 50.000.000đ.

Nếu anh Ng vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo định kỳ như đã thỏa thuận thì phía chị Vạc E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành buộc anh Ng trả một lần cho toàn bộ số tiền chưa trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Vạc E.

5. *Về án phí sơ thẩm*: Chị Vạc E là Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Vạc E được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000160 ngày 22/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con anh Ng phải chịu là 300.000đ.

Hoàn trả cho chị Vạc E số tiền án tạm ứng án phí đã nộp là 6.125.000đ theo biên lai thu số 0000161 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Th;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Vũ